

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **96/2023/DSST**
Ngày: 14/12/2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Đỗ Thị Ngoãn;

2/ Bà Lê Thị Thận;

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước

Trong ngày 14 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 144/2023/TLST – DS ngày 02 tháng 10 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 289/2023/QĐXXST – DS ngày 21 tháng 11 năm 2021 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm: 1978

Nơi cư trú: Thôn 2, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Hồng H, sinh năm: 1981

Nơi cư trú: Khu T, TT Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Mai Q, sinh năm: 1989

Nơi cư trú: Khu Đ, TT Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

(Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/9/2023 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Hồng H trình bày: Vào ngày 30/8/2023, bà Nguyễn Thị Ngọc T có cho bà Nguyễn Thị Mai Q vay số tiền 500.000.000đ. Trong đó, bà Nguyễn Thị Ngọc T

chuyển khoản 350.000.000đ và đưa tiền mặt cho bà Nguyễn Thị Mai Q là 150.000.000đ. Thời hạn trả là 10 ngày. Việc vay tiền có làm giấy tờ do bà Nguyễn Thị Mai Q viết và ký nhận. Khi vay tiền không thỏa thuận lãi suất và không thế chấp tài sản. Tuy nhiên, khi đến hạn trả nợ, bà Nguyễn Thị Mai Q không trả theo thỏa thuận mà có hành vi chuyển nhượng tài sản của bà Nguyễn Thị Mai Q cho người khác nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ xâm phạm đến quyền, lợi ích của bà Nguyễn Thị Ngọc T. Do đó, bà Nguyễn Thị Ngọc T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Mai Q trả số tiền vay 500.000.000đ và tiền lãi phát sinh từ ngày 11/9/2023 cho đến ngày xét xử theo lãi suất quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Mai Q (là bị đơn) đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Mai Q.

[2] Xét: Bà Nguyễn Thị Ngọc T khởi kiện bà Nguyễn Thị Mai Q yêu cầu trả số tiền vay 500.000.000đ và tiền lãi phát sinh. Bà Nguyễn Thị Ngọc T cung cấp giấy mượn nợ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định quan hệ pháp luật là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn bà Nguyễn Thị Mai Q cư trú tại khu Đ, TT Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định thẩm quyền giải quyết vụ án nói trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

[3] Xét giao dịch giữa bà Nguyễn Thị Ngọc T và bà Nguyễn Thị Mai Q được xác lập ngày 30/8/2023. Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 nên Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Ngọc T khởi kiện yêu cầu trả số tiền gốc và tiền lãi. Tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm*”. Theo lời khai của nguyên đơn cũng như nội dung của giấy mượn nợ thì thời hạn trả là 10 ngày. Ngày 19/9/2023, bà Nguyễn Thị Ngọc T nộp đơn khởi kiện tại Tòa án. Do đó, yêu cầu trả tiền gốc và tiền lãi của bà Nguyễn Thị Ngọc T vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện.

[5] Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T yêu cầu bà Nguyễn Thị Mai Q trả số tiền vay 50.000.000đ: Bà Nguyễn Thị Ngọc T khai nhận bà có cho bà Nguyễn Thị Mai Q vay số tiền là 500.000.000đ, thời hạn trả 10 ngày. Việc vay tiền có làm giấy mượn nợ lập ngày 30/8/2023, bà Nguyễn Thị Mai

Q có ký nhận. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước nhiều lần triệu tập chị Nguyễn Thị Mai Q nhưng chị Nguyễn Thị Mai Q vẫn vắng mặt coi như tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Như vậy, có đủ cơ sở xác định việc bà Nguyễn Thị Mai Q vay tiền của bà Nguyễn Thị Ngọc T là có thật.

Trong giấy mượn nợ lập ngày 30/8/2023 có ghi nhận “*hôm nay ngày 30/8/2023 tôi có mượn đến ngày 10/9*”. Nội dung của giấy mượn nợ phù hợp với đoạn nói chuyện (tin nhắn) giữa chị Nguyễn Thị Ngọc T và chị Nguyễn Thị Mai Q. Như vậy, thời hạn bà Nguyễn Thị Mai Q phải trả tiền vay cho bà Nguyễn Thị Ngọc T chậm nhất là ngày 10/9/2023. Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*”. Do bên vay tài sản vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Mai Q trả số tiền vay 500.000.000đ là có cơ sở.

[6] Xét yêu cầu trả tiền lãi: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T khai nhận khi vay tiền các bên không có thỏa thuận lãi suất. Do đó, xác định đây là hợp đồng vay không có lãi. Tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự quy định: “*Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác*”. Vì vậy, yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Mai Q trả tiền lãi có căn cứ chấp nhận. Cụ thể, tiền lãi được tính như sau: Từ ngày 11/9/2023 đến ngày 14/12/2023 (ngày xét xử) là 03 tháng 03 ngày x 0,83%/ tháng x 500.000.000đ = 1.072.080đ.

Như vậy, số tiền vay và tiền lãi bà Nguyễn Thị Mai Q phải trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc T tổng cộng là 500.000.000đ + 1.072.080đ = 501.072.080đ.

[7] Các nội dung khác:

[7.1] Về án phí: Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016 quy định: “*Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận*”. Do đó, bị đơn bà Nguyễn Thị Mai Q phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận là 24.042.883đ.

[7.2] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 10/2023/QĐ-BKCCTT ngày 03/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước để đảm bảo cho việc thi hành án của bà Nguyễn Thị Mai Q đối với bà Nguyễn Thị Ngọc T về khoản vay và khoản lãi nói trên. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[7.3] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Mai Q trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T số tiền vay là 500.000.000 đồng và tiền lãi là 1.072.080đ. Tổng cộng số tiền phải trả là: 501.072.080đ (năm trăm lẻ một triệu, không trăm bảy mươi hai nghìn, không trăm tám mươi đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2021/QĐ-BKCCCTT ngày 15/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước để đảm bảo cho việc thi hành án đối với Bản án dân sự sơ thẩm số: 96/2023/DSST ngày 14/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Mai Q phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 24.042.883đ.

Chi cục Thi hành án huyện B, tỉnh Bình Phước hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T số tiền tạm ứng án phí là 12.030.000đồng theo biên lai thu tiền số 0001189 ngày 02 tháng 10 năm 2023.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4/ Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14/12/2023). Đương sự vắng mặt tại phiên

tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND t. Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu HS – DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh